

Số: 233-1/QĐ-PH

Củ Chi, ngày 04 tháng 10 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán, quyết toán ngân sách và nguồn khác từ
01/07/2021 đến 30/09/2021 của trường THPT Phú Hòa.

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT PHÚ HÒA

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai số liệu dự toán và quyết toán ngân sách và nguồn khác từ 01 tháng 07 năm 2021 đến ngày 30 tháng 09 năm 2021 của trường THPT Phú Hòa theo các biểu mẫu đính kèm.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Tổ trưởng văn phòng, bộ phận kế toán, hội đồng sư phạm nhà trường và các bộ phận khác có liên quan thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng KHTC Sở GDĐT
- Lưu VT, KT



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Hữu Thọ

BIÊN BẢN

Về việc niêm yết bản công khai tài chính công khai dự toán, quyết toán ngân sách và nguồn khác từ 01/07/2021 đến 30/09/2021 của trường THPT Phú Hòa

Hôm nay, vào lúc 8 giờ 30 phút, ngày 04 tháng 10 năm 2022, tại văn phòng trường THPT Phú Hòa tiến hành thực hiện công khai niêm yết công khai dự toán, quyết toán ngân sách và nguồn khác từ ngày 01/07/2021 đến 30/09/2021.

I/ Thành phần gồm:

- | | |
|-------------------------|---------------------------------|
| Ông Nguyễn Hữu Thọ | – Hiệu trưởng |
| Ông Ong Đức Thạnh | – Chủ tịch công đoàn |
| Ông Huỳnh Quốc Ân | – Trưởng ban thanh tra nhân dân |
| Bà Nguyễn Thị Kim Luyến | – Kế toán |

II/ Nội dung:

Tiến hành thực hiện niêm yết bản công khai dự toán, quyết toán ngân sách và nguồn khác từ ngày 01/07/2021 đến 30/09/2021 với nội dung như sau:

- Thời gian bắt đầu kể từ ngày 04/10/2021 đến 05/11/2021
- Địa điểm niêm yết: Tại bảng tin thông báo trường THPT Phú Hòa, nơi thuận tiện để mọi người trong cơ quan, đơn vị được biết.

Thực hiện công khai niêm yết bản công khai dự toán, quyết toán ngân sách và nguồn khác từ ngày 01/07/2021 đến 30/09/2021 kết thúc vào lúc 10 giờ 45' cùng ngày.

CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN



Ong Đức Thạnh

KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Kim Luyến



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Hữu Thọ

TRƯỞNG BAN TTND



Huỳnh Quốc Ân

BIÊN BẢN

Kết thúc niêm yết bản công khai tài chính công khai dự toán, quyết toán ngân sách và nguồn khác từ 01/07/2021 đến 30/09/2021 của trường THPT Phú Hòa

Hôm nay, vào hồi 16 giờ ngày 05 tháng 11 năm 2021 tại Trường THPT Phú Hòa chúng tôi gồm:

Ông Nguyễn Hữu Thọ	– Hiệu trưởng
Ông Ong Đức Thạnh	– Chủ tịch công đoàn
Ông Huỳnh Quốc Ân	– Trưởng ban thanh tra nhân dân
Bà Nguyễn Thị Kim Luyến	– Kế toán

Lập biên bản về việc kết thúc niêm yết công khai bản công khai dự toán, quyết toán ngân sách và nguồn khác từ ngày 01/07/2021 đến 30/09/2021 của trường THPT Phú Hòa tại trụ sở làm việc:

- Thời gian niêm yết: Thời gian bắt đầu kể từ ngày 04/10/2021 kết thúc niêm yết vào lúc 16 giờ ngày 05/11/2021 (30 ngày liên tục).
- Trong quá trình niêm yết công khai không có ý kiến nào của cán bộ, giáo viên, nhân viên đang làm việc tại trường THPT Phú Hòa.

Biên bản lập xong hồi 16 giờ 15 phút cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN



Ong Đức Thạnh

KẾ TOÁN



Nguyễn Thị Kim Luyến



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Hữu Thọ

TRƯỞNG BAN TTND



Huỳnh Quốc Ân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đơn vị: TRƯỜNG THPT PHÚ HÒA

Chương: 422

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, NGUỒN KHÁC NĂM 2021

Từ 01/07/2021 đến 30/09/2021

(Kèm theo Quyết định số 451 /QĐ-PH ngày 04/10/2021 của Trường THPT Phú Hòa)

Đơn vị sử dụng ngân sách

Đơn vị tính : đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao	Ghi chú
	DỰ TOÁN THU		
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	9.600.000	
1	Số thu phí, lệ phí		
2	Số thu hoạt động sản xuất kinh doanh - dịch vụ	9.600.000	
2.1	Học phí	-	
2.2	Tổ chức dạy và học 2 buổi/ngày	9.600.000	
2.3	Thu hoạt động dịch vụ (căn tin + bãi xe)	-	
2.4	Thu lãi ngân hàng (nếu có)		
3	Số phí, lệ phí nộp ngân sách	192.000	
3.1	Phí -lệ phí	-	
3.2	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ		
3.2.1	Tổ chức dạy và học 2 buổi/ngày	192.000	
3.2.2	Thu hoạt động dịch vụ (căn tin + bãi xe)	-	
3.2.5	Thu lãi ngân hàng (nếu có)		
4	Thu viện trợ, tài trợ		
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	277.387.450	
1	Phí -lệ phí		
2	Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ	277.387.450	
2.1	Học phí	141.858.950	
2.2	Tổ chức dạy và học 2 buổi/ngày	135.528.500	
2.3	Thu hoạt động dịch vụ (căn tin + bãi xe)	-	
2.6	Thu lãi ngân hàng (nếu có)		
3	Thu viện trợ, tài trợ	-	
4	Hoạt động sự nghiệp khác		
III	Dự toán chi ngân sách nhà nước	4.001.274.007	
1	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo,	4.001.274.007	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.738.038.252	
1.2	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (Thường xuyên)	234.772.527	
1.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	429.650.815	
1.4	Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương (Không thường xuyên)	1.598.812.413	

Ngày 04 tháng 10 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
PHÚ HÒA
NGUYỄN HỮU THỌ

Nguyễn Hữu Thọ

Đơn vị: **TRƯỜNG THPT PHÚ HÒA**

Chương: 422

THÔNG BÁO
CÔNG KHAI QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC
Từ 01/07/2021 đến 30/09/2021

(Kèm theo Quyết định số 237/QĐ-PH ngày 06/04/2021 của Trường THPT Phú Hòa)
(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu QT được duyệt
I	Quyết toán thu		
A	Tổng số thu		
1	Số thu phí, lệ phí	9.600.000	9.600.000
2	Thu hoạt động SX, cung ứng dịch vụ	9.600.000	9.600.000
	Học phí	-	-
	Tổ chức dạy và học 2 buổi/ngày	9.600.000	9.600.000
	Cần tin + Bãi xe	-	-
	Thu lãi ngân hàng	-	-
B	Chi từ nguồn thu được để lại	277.387.450	277.387.450
1.1	Chi học phí công lập	141.858.950	141.858.950
	Chuyển tiền lương nhân viên hợp đồng T07/2021	33.971.050	33.971.050
	Chuyển tiền BHXH, BHYT, BHTN cho nhân viên hợp đồng T07/2021	12.092.800	12.092.800
	Chuyển tiền KPCĐ cho nhân viên hợp đồng T07/2021	755.800	755.800
	Chuyển tiền lương nhân viên hợp đồng T08/2021	33.971.050	33.971.050
	Chuyển tiền BHXH, BHYT, BHTN cho nhân viên hợp đồng T08/2021	12.092.800	12.092.800
	Chuyển tiền KPCĐ cho nhân viên hợp đồng T08/2021	755.800	755.800
	Khoản điện thoại cho nhân viên hợp đồng T08/2021	200.000	200.000
	Khoản công tác phí cho nhân viên hợp đồng T08/2021	500.000	500.000
	Chuyển tiền lương nhân viên hợp đồng T09/2021	33.971.050	33.971.050
	Chuyển tiền BHXH, BHYT, BHTN cho nhân viên hợp đồng T09/2021	12.092.800	12.092.800
	Chuyển tiền KPCĐ cho nhân viên hợp đồng T09/2021	755.800	755.800
	Khoản điện thoại cho nhân viên hợp đồng T09/2021	200.000	200.000
	Khoản công tác phí cho nhân viên hợp đồng T09/2021	500.000	500.000
1.2	Chi tổ chức dạy và học 2 buổi/ngày	135.528.500	135.528.500
	Chi dạy ôn tập K12 (Từ ngày 24/05/2021-13/06/2021)	75.580.000	75.580.000
	Chuyển tiền hỗ trợ công tác T6/2021	11.900.000	11.900.000
	Chuyển tiền BTTNDN T6/2021	350.000	350.000
	THPT Phú Hòa thanh toán DV bưu phẩm T06/2021 (HĐ:0038831 ngày 30/06/2021)	6.735.000	6.735.000
	Chi tiền giáo viên lao động phục vụ công tác thi tốt nghiệp THPT Quốc Gia NH:2020-2021.	2.600.000	2.600.000
	CK tiền nạp sac bình khí CO2 phòng cháy chữa cháy (HĐ:0001721 ngày 06/07/2021)	1.720.000	1.720.000
	Chuyển tiền hỗ trợ công tác T8/2021	7.310.000	7.310.000
	Chuyển tiền ban thanh tra nhân dân T7,8/2021)	700.000	700.000
	Chuyển tiền học buổi 2 cho CBQL và bộ phận gián tiếp từ ngày 24/05/2021 đến 13/06/2021.	28.633.500	28.633.500
1.3	Hoạt động cho thuê mặt bằng	-	-
	Trích nguồn CCTL	-	-
	Trích quỹ phát triển sự nghiệp	-	-
1.4	Thu lãi tiền gửi ngân hàng	-	-
	Thanh toán các phí chuyển tiền và quản lý TK	-	-
	Trích nguồn CCTL	-	-
	Trích quỹ phát triển sự nghiệp	-	-
C	Số thu nộp NSNN	192.000	192.000
	Hoạt động cho thuê mặt bằng (thuế GTGT, TNDN, môn bài)	-	-
	Tổ chức dạy và học 2 buổi/ngày (thuế TNDN)	192.000	192.000
	Thu lãi ngân hàng (thuế TNDN)	-	-
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước		
I	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	4.001.274.007	4.001.274.007
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.738.038.252	1.738.038.252
MLNS	Nội dung kinh tế		
6001	Lương theo ngạch, bậc	-	-
6003	Lương hợp đồng theo chế độ	928.418.480	928.418.480
6101	Phụ cấp chức vụ	150.159.790	150.159.790
6105	Phụ cấp làm thêm, làm thêm giờ	17.424.000	17.424.000
6107	Phụ cấp năng nhọc, độc hại, nguy hiểm	-	-
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	-	-
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	322.176.510	322.176.510
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	907.500	907.500
6299	Chi khác	11.569.536	11.569.536
6301	Bảo hiểm xã hội	3.480.000	3.480.000
6302	Bảo hiểm y tế	193.825.123	193.825.123
6303	Kinh phí công đoàn	33.227.154	33.227.154
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	22.151.436	22.151.436
6449	Chi khác	10.858.692	10.858.692
		-	-



Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu QT được duyệt
6501	Tiền điện	17.887.454	17.887.454
6504	Tiền vệ sinh, môi trường	2.433.000	2.433.000
6551	Văn phòng phẩm	1.260.000	1.260.000
6599	Vật tư văn phòng khác	3.910.000	3.910.000
6601	Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại), thuê bao đường điện thoại, fax	523.927	523.927
6603	Cước phí bưu chính	-	-
6605	Thuê bao kênh vệ tinh, thuê bao cáp truyền hình, cước phí Internet, thuê đường truyền mạng	925.650	925.650
6608	Tạp chí thư viện	-	-
6618	Khoản điện thoại	2.600.000	2.600.000
6704	Khoản công tác phí	4.400.000	4.400.000
6757	Thuê lao động trong nước	-	-
6921	Đường điện, cấp thoát nước	9.900.000	9.900.000
7049	Chi khác (Chi sản bãi GDQP)	-	-
7756	Chi các khoản phí và lệ phí	-	-
1.2	Chi cải cách tiền lương (Thường xuyên)	234.772.527	234.772.527
MLNS	Nội dung kinh tế		
6001	Lương theo ngạch, bậc	191.650.173	191.650.173
6003	Lương hợp đồng theo chế độ	31.077.159	31.077.159
6101	Phụ cấp chức vụ	4.032.000	4.032.000
6107	Phụ cấp năng nhọc, độc hại, nguy hiểm	-	-
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	-	-
6113	Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	210.000	210.000
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	2.677.248	2.677.248
6301	Bảo hiểm xã hội	-	-
6302	Bảo hiểm y tế	-	-
6303	Kinh phí công đoàn	5.125.947	5.125.947
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
1.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	429.650.815	429.650.815
MLNS	Nội dung kinh tế		
6115	Phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề	214.236.274	214.236.274
6301	Bảo hiểm xã hội	37.491.384	37.491.384
6302	Bảo hiểm y tế	6.427.107	6.427.107
6303	Kinh phí công đoàn	4.284.743	4.284.743
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	2.061.307	2.061.307
6449	Chi khác (trợ cấp vùng sâu)	163.800.000	163.800.000
7799	Chi các khoản khác (hỗ trợ nv y tế)	1.350.000	1.350.000
1.3	Chi cải cách tiền lương (Không Thường xuyên)	1.598.812.413	1.598.812.413
MLNS	Nội dung kinh tế		
6001	Lương theo ngạch, bậc	17.943.220	17.943.220
6112	Phụ cấp ưu đãi nghề	49.720.644	49.720.644
6301	Bảo hiểm xã hội	29.961.170	29.961.170
6302	Bảo hiểm y tế	5.136.202	5.136.202
6304	Bảo hiểm thất nghiệp	1.678.586	1.678.586
6449	Chi khác (TNTT theo NQ 03/2018/NQ-HĐND)	1.494.372.591	1.494.372.591

Ngày 04 tháng 10 năm 2021
HIỆU TRƯỞNG
 Nguyễn Hữu Thọ

